

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HS-PT
Ngày 26-02-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2019/TLPT-HS ngày 05 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo Nguyễn Văn S và Lê Thanh S2 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2018/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn S, sinh năm 1992 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp T, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 1/12; con ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị Mỹ H; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Lê Thanh S2, sinh năm 1997 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; con ông Lê Văn C và bà Phạm Thị R; vợ: Nguyễn Thị Mộng T; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Trung H nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 01/7/2017, do Nguyễn Trung H chạy xe hoa lâm chở nước đá có tiếng pô xe nổ lớn nên Nguyễn Văn T lấy đoạn ống tuýp sắt dọa đánh H thì được mọi người can ngăn. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, H chở Võ Văn Vũ

L về nhà thì thấy T cầm dao đứng trước nhà ông Mai Văn R ngụ ở khu phố S, thị trấn M nên H quay trở lại nhà anh Dương Hữu T kể lại sự việc cho T, Nguyễn Văn S, Trịnh Vũ L, Bùi Văn R và Lê Thanh S2 nghe nhưng được mọi người khuyên ngăn. Lúc này H nảy sinh ý định đánh T để dẫn mặt. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, H chở Võ Văn Vũ L đi về trước, Bùi Văn R và Lê Thanh S2 sợ H bị đánh nên R chở S2 đi theo sau H. Khi đến nơi, H và Võ Văn Vũ L đi tìm T, S2 và R đứng ở bên ngoài chờ. Đến khoảng 00 giờ ngày 02/7/2017, H tìm thấy T đang nằm ngủ trên võng trong nhà ông R thì đi lấy một đoạn ống tuýp bằng kim loại tròn dài và thông báo cho S2 biết nên S2 rút dây thắt lưng đang sử dụng ra cầm trên tay. Đồng thời, H điện thoại cho Trịnh Vũ L kêu L và Nguyễn Văn S cùng đến phụ, trên đường đi S lấy một viên gạch ống ven đường đem theo. Khi S đến, H cầm đoạn ống tuýp đi trước, kế đến là S cầm một viên gạch ống, S2 cầm dây thắt lưng, còn R theo sau không cầm hung khí gì. Khi đến nơi T đang nằm ngủ H dùng chân đá vào người T và dùng đoạn ống tuýp đánh nhiều cái trúng vào chân trái và người T; S dùng chân đá, đập vào vùng vai T, cầm viên gạch ống mang theo đánh một cái vào vùng mặt bên phải T; S2 lấy dây thắt lưng đánh một cái vào người T. Trên đường tẩu thoát, H đưa đoạn ống tuýp cho R cầm và vứt bỏ ống tuýp xuống sông cầu M, không thu hồi được.

Tang vật tạm giữ trong vụ án: 01 (một) cái võng nhựa màu sọc đỏ, vàng xanh trắng; 01 (một) đôi dép nhựa màu đen loại quai kẹp; 01 (một) khung kim loại hình chữ U kích thước 05cm x 06cm (mặt dây thắt lưng); 01 (một) cái nón kết bằng vải màu nâu mặt trước nón có chữ ECKÔ; nhiều mảnh vụn của viên gạch ống; 01 (một) xe mô tô Dream màu nâu biển số xxBx – xxx.xx; 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobiistar màu trắng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Well-Com 108W màu đỏ đen kèm theo sim số xxxxxxxxxx; 01 (một) con dao dài 37,5cm, mũi bằng, cán bằng gỗ dài 13,5cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 24cm; 01 (một) đoạn ống tuýp bằng kim loại rỗng ruột màu xám dài 50cm, đường kính tròn 2,7cm; 01 (một) đoạn ống tuýp bằng kim loại rỗng ruột màu xám dài 50cm, đường kính tròn 3,4cm; 01 (một) đoạn ống tuýp bằng kim loại rỗng ruột màu xám dài 50cm, đường kính tròn 4,2cm; 01 (một) dây thắt lưng bằng da màu vàng kích thước 108cm x 3,6cm, mặt dây bằng khung kim loại màu đen trắng, có chốt gài ở giữa kích thước 7,5cm x 5cm; 01 (một) viên gạch ống bằng đất nung màu đỏ có 4 mặt hình chữ nhật vuông góc kích thước 2,5cm x 2,5cm (tất cả có đặc điểm như biên bản tạm giữ).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 210-817/TgT ngày 18/8/2017 của Trung tâm Giám định Pháp y tỉnh Bến Tre xác định: bị hại Nguyễn Văn T bị sây sát da mi trên mắt phải kích thước 02cm x 0,5cm đã hết, không còn để lại vết tích: 0%; vết thương mặt trước 1/3 dưới cằm chân trái dài 01cm sâu 0,5cm, Xquang: gãy 1/3 giữa xương chày trái: 11%. Điều trị: bó bột bảo tồn. Hiện: xương gãy lành thẳng trục, còn bó bột đùi bàn chân. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 11%.

Tại Kết luận giám định lại pháp y về thương tích số 3850/C54B ngày

20/11/2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - Tổng Cục Cảnh sát kết luận: Nguyễn Văn T bị sẹo cũ 1/3 dưới mắt trước cằm chân trái là 1%. Gãy 1/3 dưới xương chày trái, can tốt, trục thẳng, không ngắn chi, có biểu hiện teo cơ cằm chân trái và phù nề bàn chân trái là 15%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 16%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2018/HS-ST ngày 28-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn S và Lê Thanh S2 phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 (theo điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 (theo điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lê Thanh S2 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với bị cáo khác; phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 10/12/2018, các bị cáo Nguyễn Văn S và Lê Thanh S2 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn S và Lê Thanh S2 khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn S và Lê Thanh S2 phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 01 năm tù và bị cáo Lê Thanh S2 01 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả các bị cáo gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 01 (một) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Áp dụng điểm đ khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thanh S2 01 (một) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng

ngộ phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Văn S và Lê Thanh S2 không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, thể hiện: vào ngày 01/7/2017 tại nhà ông Mai Văn R ngụ khu phố S, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre, xuất phát từ việc Nguyễn Trung H bị Nguyễn Văn T chặn đường đánh, H bức tức nên kể lại cho Nguyễn Văn S, Lê Thanh S2, Bùi Văn R và Trịnh Vũ L nghe. Đến khoảng 00 giờ 02 phút ngày 02/7/2017, mặc dù không biết mặt và không có mâu thuẫn với Nguyễn Văn T trước đó nhưng để phụ giúp H đánh T nên Nguyễn Văn S, Lê Thanh S2 cùng Nguyễn Trung H có hành vi dùng đoạn ống tuýp sắt, gạch ống, dây thắt lưng đánh vào người của bị hại Nguyễn Văn T gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 16%. Các bị cáo Nguyễn Văn S và Lê Thanh S2 là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù không có mâu thuẫn gì với bị hại Nguyễn Văn T nhưng với bản tính côn đồ các bị cáo đã sử dụng gạch ống, dây thắt lưng là hung khí nguy hiểm đánh gây thương tích cho anh T, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, xâm phạm đến sức khỏe của con người, gây mất an ninh trật tự an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn S và Lê Thanh S2 phạm “Tội cố ý gây thương tích” với các tình tiết định khung tăng nặng “*Dùng hung khí nguy hiểm*” và “*Có tính chất côn đồ*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn S và Lê Thanh S2 yêu cầu được hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như không có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo S có ông nội là người có công với Tổ quốc; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều

51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, đã xử phạt bị cáo S 01 năm tù và bị cáo S2 01 năm tù. Tại cấp phúc thẩm bị cáo S cung cấp đơn thuốc thể hiện cha của bị cáo là ông Nguyễn Văn H bị bệnh viêm họng cấp, viêm mũi xoang; bị cáo S2 cung cấp giấy chứng nhận kết hôn với chị Nguyễn Thị Mộng T, hiện chị Mộng T có phiếu siêu âm mang thai 20,2 tuần tuổi để yêu cầu được hưởng án treo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: mặc dù không có mâu thuẫn gì với bị hại nhưng trong đêm khuya các bị cáo vẫn đi tìm và đánh bị hại trong lúc bị hại đang nằm ngủ không có khả năng chống trả, các bị cáo phạm tội có 02 tình tiết định khung tăng nặng “dùng hung khí nguy hiểm” và “có tính chất côn đồ”, xâm hại đến sức khỏe của bị hại với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 16%, hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện bản tính xem thường pháp luật và sức khỏe của con người, gây mất an ninh trật tự an toàn xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là đã có xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo, do các bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt cho các bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của các bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp.

[4] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Văn S và Lê Thanh S2; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 31/2018/HSST ngày 28-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre;

- Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thanh S2 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23

của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Các bị cáo Nguyễn Văn S và Lê Thanh S2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Trung H; phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện M (3b);
- Công an huyện M (1b);
- VKSND huyện M (1b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã P (1);
- Các bị cáo tại ngoại (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông